

**TÒA ÁN NHÂN DÂN.
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-ST

Ngày 05-7-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Hồ Minh Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Hữu T**, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: khu vực T H, phường L H, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh Th**, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: khu vực T H 1, phường T L, quận M, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Hữu T trình bày:

Nguyên vào năm 2020 bà Nguyễn Thị Thanh Th có vay của tôi nhiều lần số tiền tổng cộng 25.000.000 đồng (có làm bên nhận nợ), bà Th hẹn thời gian 03 tháng trả lại nhưng đến thời hạn bà không trả nên đến năm 2021 bà Th mới làm biên nhận tổng số tiền nợ là 25.000.000 đồng hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà Th góp cho tôi 200.000 đồng (góp trong thời gian 125 ngày) thì tất số nợ này, tôi đồng ý cho bà Th góp theo thỏa thuận nhưng góp cho tôi được 2 ngày 400.000 đồng thì ngưng không góp nữa. Tôi đã nhiều lần yêu cầu bà Th trả số tiền này cho tôi nhưng bà cứ hẹn và kéo dài cho đến nay.

Quá bức xúc với hành vi của bà Th cô tình không trả tiền cho tôi, nay tôi yêu cầu tòa án xem xét và giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th trả cho tôi số tiền vốn 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phần trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ kiện trên thì tiến hành tổng đạt triệu tập bị đơn, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt, cho nên Tòa án đã căn cứ vào Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết công khai giải quyết vắng mặt bà Th theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

-Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã được thẩm tra thấy rằng, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Quan hệ tranh chấp này được Luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng theo thủ tục quy định và đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th nhưng đều vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Ông Trần Hữu T đòi bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trả 25.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông T và bà Th có quan hệ giao dịch dân sự về hợp đồng vay tiền. Khi vay tiền bà Th có làm giấy mượn tiền, từ khi vay đến nay bà Th không đóng lãi và hoàn vốn theo thỏa thuận, nên ông T khởi kiện yêu cầu bà Th hoàn trả.

Xét chứng cứ nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy mượn tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, nhưng bị đơn đều vắng mặt, nên có cơ sở khẳng định việc bị đơn có vay và nhận nợ tiền của nguyên đơn là có thật. Do bị đơn vắng mặt theo triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý do việc không trình bày, không cung cấp chứng cứ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và cần buộc bị đơn có nghĩa vụ phải trả số tiền 25.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Do nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi lại số tiền vốn, không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 164, Điều 166, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trả cho ông Trần Hữu T số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

2/.Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3/.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu 1.250.000 đồng án phí.

- Nguyên đơn được nhận lại số tiền 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 011625 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M.

4/.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP/CT;
- VKSND – Q. M;
- Chi cục THADS- Q. M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phi Hùng

